

Bản án số: 433/2024/HS-ST
Ngày: 05-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thẩm phán: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Huỳnh
- Bà Thi Thị Tuyết Nhung
- Ông Thiệu Đình Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Hải - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 530/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4325/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị D; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 02/3/1996 tại Thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký HKTT: C15 khu nhà ở K, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: B8.03 chung cư T, số 10A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo có chồng Trần Xuân Đ1 và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 02/6/2023. (Có mặt).

- Người bào chữa: Ông Nguyễn Minh T là luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Lê Thị D. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Trần Tiến Đ2, sinh năm: 1995; Địa chỉ: A Cư xá P, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thụ lý giải quyết vụ án “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” do Trần Tiến T1 và đồng phạm thực hiện. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có triệu tập Trần Tiến T1 đến làm việc.

Ngày 29/5/2023, Trần Tiến Đ2 (em ruột của T1) khi biết tin T1 bị triệu tập, nên đã liên lạc với Lê Thị D (bạn bè quen biết ngoài xã hội) để nhờ D can thiệp giúp cho nhóm của T1 được tại ngoại. Mặc dù không quen biết ai có thể can thiệp giúp cho Đ2 nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân, D vẫn đồng ý và đưa thông tin không có thật là có quen biết với những người có thể can thiệp cho nhóm của T1 được tại ngoại. Từ lúc 21 giờ đến 23 giờ ngày 29/5/2023, Đ2 liên lạc D để hỏi thăm tình hình. Lúc này, D nói Đ2 chuẩn bị tiền mặt để lo việc. Lúc 08 giờ ngày 30/5/2023, Đ2 liên lạc với D nói chuẩn bị được 750.000.000 đồng, D nói để D liên lạc với người nhận lo giúp, rồi sẽ thông báo kết quả cho Đ2 biết. Sau đó, D liên lạc với Đ2 cho biết do T1 là chủ mưu nên chưa giúp được, để xử lý sau, những người còn lại đợi phân loại, ai không có tội thì về, ai có tội bị tạm giam thì sẽ lo tại ngoại. Đồng thời, D nói số tiền 750.000.000 đồng là không đủ nên nói Đ2 chuẩn bị thêm tiền cho đủ 1.000.000.000 đồng mới xử lý được.

Đến 12 giờ ngày 30/5/2023, D yêu cầu Đ2 giao cho Duyên số tiền 1.000.000.000 đồng vào lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày tại nhà số 555 đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho người tên H1 nhận tiền thay D. Đ2 đồng ý giao tiền, nên nhờ anh Trà Thanh H (bạn của Đ2) đi giao tiền dùm. Sau khi nói chuyện với Đ2, D điện thoại cho anh Phạm Đức H1 (bạn bè quen biết ngoài xã hội với D) là người làm công tại cửa hàng mua bán điện thoại ở nhà số 555 đường N, Phường A, quận B, với nội dung nhờ anh H1 nhận giùm số tiền mặt 1.000.000.000 đồng do Đ2 giao, khi nhận xong số tiền trên thì anh H1 chuyển vào tài khoản của D mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 990.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng thì D cho anh H1. Sau khi, D nhận được tiền do anh H1 chuyển, D đã sử dụng để tiêu xài cá nhân 45.000.000 đồng và trả nợ cho ông Vũ Tiến V số tiền 205.000.000 đồng. Lúc 23 giờ ngày 30/5/2023, Đ2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập làm việc, lúc này Đ2 biết đã bị D lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Đ2 đã làm đơn trình báo vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng thu giữ của bị cáo D.

Về dân sự: Số tiền 1.000.000.000 đồng, gồm: 740.000.000 đồng do bị cáo D giao nộp, 205.000.000 đồng do ông V giao nộp, 10.000.000 đồng do anh H1 giao nộp và 45.000.000 đồng do gia đình của bị cáo D giao nộp (đã gửi tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh A, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị hại Trần Tiến Đ2 yêu cầu được nhận lại số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 364/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Thị D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Lê Thị D từ 07 năm đến 08 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2023.

Về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Không tranh luận về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Luật sư nêu ra các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: số tiền 1 tỷ đồng bị cáo đã nộp lại toàn bộ để khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo là quy định giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung, quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của bị cáo phù hợp vật chứng thu được, bản kết luận giám định, cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị cáo D không có quyền hạn gì, không quen biết ai có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của T1 – anh của bị hại Đ2. Nhưng do cần tiền tiêu xài, nên bị cáo Lê Thị D bằng thủ đoạn gian dối đã đưa ra thông tin không có thật là bản thân quen biết người có thể can thiệp cho nhóm anh trai của bị hại Trần Tiến Đ2 được tại ngoại, làm cho Đ2 tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Bị hại Trần Tiến Đ2 đã bị bị cáo chiếm đoạt số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra vụ án bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo, bị cáo là nữ có con nhỏ, lần đầu phạm tội chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51, do đó áp dụng cho bị cáo tình tiết tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Đối với hành vi Trần Tiến Đ2 đưa tiền cho D để can thiệp cho nhóm của anh trai của Đ2 được tại ngoại có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ”, tuy nhiên do Đ2 đã chủ động tố cáo nên áp dụng khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ2 là có căn cứ.

Đối với anh Trà Thanh H được Đ2 nhờ giao tiền giúp Đ2 và anh Phạm Đức H1 được D nhờ nhận tiền, nhưng anh H và anh H1 không biết mục đích của việc giao nhận tiền giữa Đ2 và D, nên Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh H và anh H1 là có căn cứ.

[3] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 1.000.000.000 đồng, gồm: 740.000.000 đồng do bị cáo D giao nộp, 205.000.000 đồng do ông V giao nộp, 10.000.000 đồng do anh H1 giao nộp và 45.000.000 đồng do gia đình của bị cáo D giao nộp (đã gửi tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh A, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị hại Đ2 có yêu cầu nhận lại số tiền 1.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, quyết định trả lại 1 phần cho bị hại, 1 phần còn lại tịch thu sung vào ngân sách nhà nước do đây là số tiền dùng vào việc phạm tội.

[6] Các vấn đề khác:

- Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định.
- Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Lê Thị D 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ 02/6/2023.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng (đã qua sử dụng), (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng, không có Imei khay sim, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); và số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Hoàn trả cho Trần Tiến Đ2 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/525 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền ngày 16/4/2024 vào tài khoản số 39490905977500000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (24) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân